

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2023/DSST**
Ngày: 31/5/2023
V/v: *Tranh chấp phát sinh
từ hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thúy Anh;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chuyên;

Ông Trần Quốc Sơn.

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thùy Dung - Cán bộ
Tòa án.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm: Bà Lê Thị Thùy
Dương - Kiểm sát viên.*

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số: 64/2022/TLST-KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp phát sinh từ HĐ tín dụng*” giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ: Số X đường L, phường L, quận Đ, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm T.A – Phó Giám đốc T tâm xử lý nợ pháp lý, Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trương Công T – Cán bộ xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/01/2023) (Ông T có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng A. Địa chỉ: Số X, ngách Y đường Đ, phường M, quận N, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T1 – Tổng giám đốc (ông T1 vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt:

+ Ông Ngô Quang T, sinh 1979. HKTT: thôn T, xã T, huyện M, thành phố H. Địa chỉ liên lạc: Tổ X, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố H.

+ Bà Lê Thị Thu P, sinh 1984. HKTT: số X đường H, phường Đ, quận H, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP V trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 120620-4820298-01-SME ngày 30/06/2020 và khế ước nhận nợ kèm theo. Công ty A, địa chỉ trụ sở chính: Số X, ngách Y phố Đ, TDP Y Tân Mỹ, Phường M, Quận N, Thành phố H, Việt Nam; do Ông Ngô Quang T – Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật vay vốn của Ngân hàng TMCP V với tổng số tiền là: **670,000,000 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu đồng)**. Cụ thể như sau:

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất và cơ chế điều chỉnh lãi suất sẽ được Bên Ngân hàng và Bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký giữa Bên vay và Bên Ngân hàng.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả, Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- **Khế ước nhận nợ số: 300620-4820298-01-SME ngày 30/06/2021;**

- Số tiền nhận nợ: 535.500.000 đồng

- Thời hạn vay: tính từ ngày 16/01/2021 đến ngày 16/07/2021.

- Lãi suất cho vay trong hạn: 21.4%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được: cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/02/2021 Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh công (+) biên độ 15%/năm.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

- Theo Hợp đồng bảo lãnh số 290620-4820298/HĐBL ngày 30/06/2020; Theo Hợp đồng bảo lãnh số 290620-4820298/HĐBL ngày 30/06/2020 bên bảo lãnh Ông Ngô Quang T và Bà Lê Thị Thu P đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho

bên được bảo lãnh là Công ty A trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 120620-4820298-01-SME ngày 30/06/2020 và khế ước nhận nợ kèm theo ký giữa Công ty A và Ngân hàng TMCP V bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V. Do đó, Ngân hàng TMCP V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tạm tính đến ngày 07/04/2022, Công ty A còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền như sau:

- Nợ gốc: 477,356,220 đồng;
- Nợ lãi và phạt chậm trả lãi: 117,571,812 đồng;
- ***Tổng cộng: 594,928,032 đồng (Năm trăm chín tư triệu, chín trăm hai tám nghìn, không trăm ba hai đồng).***

Căn cứ Điều 342, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, các tài liệu chứng cứ kèm theo,... Yêu cầu Tòa án Nhân dân Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội buộc Công ty A phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 07/04/2022, số tiền là:

- Nợ gốc: 477,356,220 đồng;
- Nợ lãi và phạt chậm trả lãi: 117,571,812 đồng;
- ***Tổng cộng: 594,928,032 đồng (Năm trăm chín tư triệu, chín trăm hai tám nghìn, không trăm ba hai đồng).***

Trong trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V, đề nghị Tòa án buộc Ông Ngô Quang T và Bà Lê Thị Thu P, có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty A toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tòa án tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong

Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty A thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Trong trường hợp Công ty A, Ông Ngô Quang T và Bà Lê Thị Thu P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty A, Ông Ngô Quang T và Bà Lê Thị Thu P để thu hồi khoản nợ vay.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T trình bày:

Ngày 30/6/2020, Công ty A và Ngân hàng TMCP V đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 120620-4820298-01-SME ngày 30/06/2020 và khế ước nhận nợ kèm theo. Nội dung: Công ty A vay Ngân hàng TMCP V số tiền 535.500.000 đồng, thời hạn vay 16/01/2021 đến 16/7/2021, lãi suất cho vay được quy định trong Hợp đồng. Để đảm bảo cho khoản vay, tôi và vợ là bà Lê Thị Thu P đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng TMCP V với nội dung: Đồng ý đảm bảo cho khoản vay của Công ty A bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang. Về số nợ gốc Ngân hàng yêu cầu là 477.335.886 đồng, Công ty A cần thời gian để xem xét và tính lại khoản nợ gốc. Về số tiền lãi Ngân hàng yêu cầu, Công ty A đề nghị ngân hàng giảm trừ 100% tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà P - Tòa án không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị HĐXX xem xét:

Buộc Công ty A phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 31/5/2023, số tiền là:

- Nợ gốc: 477,356,390 đồng;
- Nợ lãi: 293.607.593 đồng
- **Tổng cộng: 770.963.983 đồng.**

Trong trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V, đề nghị Tòa án buộc Ông Ngô Quang T và Bà Lê Thị Thu P, có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty A toàn bộ số tiền

nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tòa án tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty A thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Trong trường hợp Công ty A, Ông Ngô Quang T và Bà Lê Thị Thu P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty A, Ông Ngô Quang T và Bà Lê Thị Thu P để thu hồi khoản nợ vay.

Nguyên đơn xin rút yêu cầu tính phạt chậm trả lãi.

- Bị đơn và tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:***
Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX tại phiên tòa sơ thẩm cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Thẩm quyền: Ngân hàng TMCP V khởi kiện đối với Công ty TNHH Xây dựng A, địa chỉ trụ sở: Số X, ngách Y phố , TDP X, Phường M, Quận N, Thành phố H. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của Ngân hàng TMCP V đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhiều lần. Tòa án vẫn xét xử theo thủ tục chung vắng mặt những người nêu trên.

Quan hệ pháp luật: Các bên tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng thuộc quan hệ “*Tranh chấp về kinh doanh thương mại*” theo quy định tại khoản 1, Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP V cùng Công ty TNHH Xây dựng A đã ký kết **Hợp đồng cho vay hạn mức số 120620-4820298-01-SME ngày 30/06/2020 và khế ước nhận nợ kèm theo**, số tiền cho vay: 535.500.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ hoạt động hoàn thiện sơn công trình các loại. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày 30/6/2020.

Xét HĐ tín dụng trên, Hội đồng xét xử thấy: Hình thức, nội dung của HĐ trên do các bên ký kết đều tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên HĐ tín dụng nêu trên là hợp pháp.

Do Công ty TNHH Xây dựng A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng A thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên đã ký kết là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng TMCP V xác nhận Công ty TNHH Xây dựng A còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền gốc: **477.356.390 đồng**.

Về lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất và cơ chế điều chỉnh lãi suất sẽ được Bên Ngân hàng và Bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký giữa Bên vay và Bên Ngân hàng. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả, Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất cho vay trong hạn: 21.4%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được: cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/02/2021 Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh công (+) biên độ 15%/năm.

Căn cứ vào bảng tính lãi và các văn bản về lãi suất do Ngân hàng TMCP V cung cấp, Hội đồng xét xử thấy: Cách tính lãi, mức lãi suất Ngân hàng TMCP V tính là phù hợp với quy định của Ngân hàng TMCP V, có sự thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng và quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, đủ căn cứ xác định: Tạm tính đến ngày 31/5/2023 số tiền Công ty TNHH Xây dựng A còn nợ Ngân hàng TMCP V là:

770.963.983 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 477.356.390 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 293.607.593 đồng.

Buộc Công ty TNHH Xây dựng A phải chịu trách nhiệm thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng TMCP V. Công ty TNHH Xây dựng A tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nguyên đơn rút yêu cầu tính phạt chậm trả lãi, vì vậy cần đình chỉ yêu cầu tính phạt chậm trả lãi.

- **Về HĐ bảo lãnh:** Theo Hợp đồng bảo lãnh số 290620-4820298/HĐBL ngày 30/06/2020; Theo Hợp đồng bảo lãnh số 290620-4820298/HĐBL/\-02-SME ngày 30/06/2020 bên bảo lãnh Ông Ngô Quang T và Bà Lê Thị Thu P đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty A trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 120620-4820298-01-SME ngày 30/06/2020 và khế ước nhận nợ kèm theo ký giữa Công ty A và Ngân hàng TMCP V bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Xét thấy: Khi ký kết HĐ trên các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng bảo lãnh không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên cam kết đọc, hiểu nội dung thể chấp ghi trong hợp đồng và đã cùng ký tên xác nhận theo đúng quy định, trình tự, thủ tục của pháp luật. Việc bảo lãnh đã được xác lập bằng bằng Hợp đồng bảo lãnh số 290620-4820298/HĐBL ngày 30/06/2020; Theo Hợp đồng bảo lãnh số 290620-4820298/HĐBL ngày 30/06/2020. Như vậy HĐ bảo lãnh là hợp pháp.

HĐ bảo lãnh là hợp pháp nên yêu cầu của Ngân hàng TMCP V: trong trường hợp Công ty A, ông T, bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty A, Ông Ngô Quang T và Bà Lê Thị Thu P để thu hồi khoản nợ vay là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Công ty TNHH Xây dựng A phải chịu án phí KDTM sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 335; Điều 338; Điều 342; Bộ luật dân sự;
- Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 1, Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH Xây dựng A về việc: “*Tranh chấp phát sinh từ HĐ tín dụng*”.

2/ Xác nhận đến ngày 31/5/2023, Công ty TNHH Xây dựng A còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền: **770.963.983 đồng**. Trong đó: Nợ gốc: 477.356.390 đồng, nợ lãi: 293.607.593 đồng.

3/ Buộc Công ty TNHH Xây dựng A phải chịu trách nhiệm thanh toán số nợ **770.963.983 đồng** cho Ngân hàng TMCP V.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của Ngân hàng TMCP V.

4/ Công ty TNHH Xây dựng A tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/6/2023 cho đến ngày thanh toán toàn bộ khoản vay.

5/ Trong trường hợp Công ty TNHH Xây dựng A, ông T, bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP V, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty A, Ông Ngô Quang T và Bà Lê Thị Thu P để thu hồi khoản nợ vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bác các yêu cầu khác của đương sự.

6/ Về án phí: Công ty TNHH Xây dựng A phải chịu 34.838.000 đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 13.898.000 đồng theo Biên lai số 0034816 ngày 11/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Thúy Anh.